

Số: /SGDDĐT-KHTC
V/v triển khai thực hiện và quản
lý thu, chi trong các cơ sở giáo
dục năm học 2024 - 2025

Quảng Ninh, ngày tháng 10 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các điều kiện đảm bảo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học 2024 - 2025; Chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Quyết định số 2236/QĐ-BGDĐT ngày 23/8/2024 về việc ban hành kế hoạch, nhiệm vụ giải pháp trọng tâm năm học 2024 - 2025 của ngành giáo dục và công văn số 4327/BGDĐT-GDTH ngày 14/8/2024 về việc tăng cường chỉ đạo triển khai thực hiện một số nội dung chuẩn bị cho năm học 2024 - 2025. Để tăng cường công tác quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024 - 2025, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số nội dung như sau:

1. Về học phí

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho các đối tượng người học theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách đặc thù của tỉnh¹ như năm học 2023 - 2024; triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ học phí quy định tại Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo hướng dẫn tại văn bản số 3172/HD-SGDĐT ngày 04/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Các cơ sở giáo dục công lập thực hiện quản lý, sử dụng học phí, chi trả hỗ trợ chi phí học tập theo hướng dẫn tại văn bản số hướng dẫn số 263/HD-SGDĐT ngày 26/01/2022 và văn bản số 1468/HD-SGDĐT ngày 09/5/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Về một số khoản thu trong cơ sở giáo dục

a. Đối với khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

- Cơ sở giáo dục công lập tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 2593/SGDDĐT-KHTC ngày 19/9/2023 và Công văn số 2778/SGDDĐT-KHTC ngày 05/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo;

¹ Trẻ em quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021; Học sinh quy định tại khoản 1 Điều 11 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019; Học viên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 310/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020.

- Cơ sở giáo dục tư thục được phép vận dụng văn bản số 2593/SGDĐT-KHTC để đề xuất khoản thu, xây dựng mức thu phù hợp với điều kiện kinh tế, thu nhập của đa số gia đình người học; thiết thực phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục trong nhà trường; đảm bảo công khai, minh bạch, thu chi đúng mục đích;

- Việc tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm phải được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 và Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 7428/UBND-GD ngày 30/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Công văn số 1296/SGDĐT-GDPT ngày 13/5/2022 và Công văn số 3094/SGDĐT-GDPT ngày 02/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

b. Đối với một số khoản thu khác

- Thu phí để đóng bảo hiểm y tế cho học sinh: Thực hiện theo quy định tại Hướng dẫn Liên ngành số 2358/HD-LN ngày 04/9/2019 và số 3816/HDLN-SYT-SGDĐT-STC-BHXH ngày 04/8/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở tài chính, Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ninh;

- Thu từ vận động, tiếp nhận nguồn tài trợ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Thu tiền may hoặc mua quần áo đồng phục, quần áo thể dục thể thao, phù hiệu: Cha mẹ học sinh hoặc Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức việc may hoặc mua đồng phục theo quy định tại Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thu, chi kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuyệt đối không được lợi dụng danh nghĩa Ban đại diện cha mẹ học sinh để thu các khoản ngoài quy định.

3. Về chính sách thuế đối với một số khoản thu trong cơ sở giáo dục: Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 9233/CTQNI-NVDTPC ngày 09/10/2024 của Cục thuế tỉnh Quảng Ninh về chính sách thuế đối với các khoản thu trong cơ sở giáo dục công lập (gửi kèm văn bản này).

4. Về trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện

a. Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra công tác quản lý thu, chi trong năm học 2024 - 2025 tại các cơ sở giáo dục, thanh tra đột xuất nếu thấy có dấu hiệu vi phạm; đưa nội dung quản lý thu, chi vào các cuộc thanh tra theo kế hoạch và các cuộc kiểm tra triển khai nhiệm vụ năm học.

b. Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tăng cường kiểm tra, thanh tra công tác quản lý thu, chi tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo phân cấp quản lý; ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời chấn chỉnh tình trạng lạm thu, chi không đúng mục đích.

c. Cơ sở giáo dục

- Tổ chức phổ biến, quán triệt các văn bản quy định về thu, chi của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp huyện tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ người học của đơn vị. Thủ trưởng cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm nếu để xảy ra việc lạm thu; thu, chi sai quy định tại đơn vị hoặc có tổ chức, cá nhân thuộc đơn vị vi phạm quy định về thu chi;

- Thực hiện nghiêm túc chế độ công khai đối với việc thu (khoản thu, mức thu, dự toán thu, kinh phí thu được) và chi (nội dung chi, mức chi, dự toán chi, thanh quyết toán) đối với các khoản thu của đơn vị theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

- Tăng cường thực hiện phương thức thanh toán không dùng tiền mặt theo Kế hoạch số 84/SGDĐT-KHTC ngày 11/01/2023 và Công văn số 587/SGDĐT-KHTC ngày 27/02/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Chủ động kiểm tra công tác quản lý thu, chi tại đơn vị; kịp thời xử lý các cá nhân vi phạm, khắc phục sai phạm (nếu có); báo cáo cơ quan quản lý cấp trên kết quả kiểm tra, xử lý, khắc phục để theo dõi, chỉ đạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: TC, NV, LĐTBXH;
- GD, các PGD Sở GD&ĐT;
- Các Phòng GD&ĐT;
- Các đơn vị thuộc Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, KHTC;

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Ngọc Sơn

Số: 9233 /CTQNI-NVDTPC
V/v hướng dẫn chính sách thuế đối với các
khoản thu trong cơ sở giáo dục công lập

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện các quy định về chính sách thuế đối với khoản thu trong cơ sở giáo dục công lập và thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại công văn số 1733/UBND-VHXXH ngày 04/7/2024 về thực hiện Nghị quyết số 34/2021/QN-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó yêu cầu hướng dẫn cụ thể các cơ sở giáo dục trong việc thực hiện các quy định về chính sách thuế đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đảm bảo thống nhất trong toàn tỉnh.

Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh hướng dẫn như sau:

I. Về chính sách thuế chung:

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định thời điểm xác định thuế GTGT:

“1. Đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

2. Đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.”

Tại Điều 3 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

“2. Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

a) Đối với hoạt động bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua.

b) Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua trừ trường hợp nêu tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC, Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC.

...”

Như vậy, khi cơ sở giáo dục cung cấp hàng hóa, dịch vụ (tổ chức bán trú, dạy thêm tại trường...) thì được xác định là thời điểm phát sinh doanh thu để xác định nghĩa vụ thuế (không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa).

II. Về chính sách thuế đối với khoản thu học phí và khoản thu theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh

1. Về thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Căn cứ khoản 13 Điều 4; khoản 1, khoản 5 Điều 12 và khoản 2, khoản 4 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng. Cục Thuế hướng dẫn nguyên tắc xác định thuế GTGT như sau:

- Các cơ sở giáo dục công lập có phát sinh khoản thu về dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật (trong đó bao gồm học phí); khoản thu dưới hình thức thu hộ, chi hộ thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Các cơ sở giáo dục công lập có các khoản thu khác ngoài khoản thu về dạy học, dạy nghề nêu tại khoản 13 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC thì thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

*** Về phương pháp tính thuế GTGT:** Cơ sở giáo dục công lập có thuế lựa chọn phương pháp khấu trừ hoặc phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Thông tư 219/2013/TT-BTC.

Trường hợp cơ sở giáo dục công lập áp dụng phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng thì các khoản thu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT cơ sở giáo dục kê khai nộp thuế theo tỷ lệ 5% trên doanh thu đối với khoản thu từ dịch vụ (không gắn với hàng hóa); tỷ lệ 3% đối với khoản thu từ dịch vụ có gắn với hàng hóa; tỷ lệ 1% trên doanh thu đối với khoản thu từ phân phối, cung cấp hàng hóa (*Chi tiết tại Phụ lục Bảng danh mục ngành nghề tính thuế GTGT theo tỷ lệ % trên doanh thu Ban hành kèm theo Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính*).

*** Về hồ sơ khai thuế GTGT:**

Cơ sở giáo dục không phải nộp hồ sơ khai thuế GTGT trong trường hợp chỉ có hoạt động thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Trường hợp cơ sở giáo dục có các hoạt động khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì phải thực hiện nộp hồ sơ khai thuế Tờ khai 01/GTGT (đối với phương pháp khấu trừ, trong đó khoản thu từ hoạt động không chịu thuế được kê khai vào chỉ tiêu [26]) hoặc Tờ khai 04/GTGT (đối với phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng, trong đó khoản thu từ hoạt động không chịu thuế được kê khai vào chỉ tiêu chỉ tiêu [21]). Tờ khai 01/GTGT và 04/GTGT được ban hành kèm theo Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

2. Về thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Căn cứ khoản 1 Điều 2; khoản 5 Điều 3; khoản 2, Điều 4 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, được sửa đổi bởi Điều 1, Điều 2 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 19 Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2024) và khoản 4 Điều 3 Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2017); khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; khoản 3 Điều 6 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ quy định nêu trên, Cục Thuế hướng dẫn nguyên tắc xác định thuế TNDN như sau:

- Các cơ sở giáo dục công lập có phát sinh khoản thu từ hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật (trong đó bao gồm học phí) thì các khoản thu này là khoản thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Các cơ sở giáo dục công lập có các khoản thu dưới hình thức thu hộ, chi hộ thì khoản thu này không ghi nhận là doanh thu tính thuế TNDN.

*** Về phương pháp tính thuế TNDN:** Cơ sở giáo dục công lập có thể lựa chọn khai thuế TNDN theo phương pháp doanh thu - chi phí hoặc theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Trường hợp cơ sở giáo dục công lập áp dụng phương pháp tỉ lệ trên doanh thu thì tính theo tỷ lệ 5% trên doanh thu từ dịch vụ; 1% trên doanh thu từ kinh doanh hàng hóa và 2% trên doanh thu từ hoạt động giáo dục và hoạt động khác.

*** Về hồ sơ khai thuế TNDN:**

Cơ sở giáo dục nộp Tờ khai 03/TNDN (đối với phương pháp doanh thu - chi phí) hoặc Tờ khai 04/TNDN (đối với phương pháp tỉ lệ % trên doanh thu) và Báo cáo tài chính theo quy định. Tờ khai 03/TNDN và 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

(Có phụ lục tỷ lệ % tính thuế GTGT, TNDN cho các khoản thu theo Nghị quyết 34/2021/NQ-HĐND kèm theo để tham khảo).

Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh hướng dẫn về nguyên tắc xác định để Sở Giáo dục và Đào tạo được biết và chỉ đạo các cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thuế./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Các phòng TTKT, KK, TTHT, KTNB;
- Các CCT;
- Lưu: VT; NVDTPC.
(dmthanh.qni)

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Minh

PHỤ LỤC

Tỷ lệ tính thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết 34/2021/NQ-HĐND

(Kèm theo công văn số /CTQNI-NVDTPC ngày /10/2024 của CTQN)

STT	Tên các khoản thu	Tính chất khoản thu	Tỷ lệ % tính thuế GTGT	Tỷ lệ % tính thuế TNDN
I	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục			
1	Tổ chức bán trú tại trường			
1.1	Tổ chức bán trú tại trường đối với cấp học tiểu học, THCS, THPT			
a)	Tổ chức bán trú tại trường (gồm các trường hợp: chỉ quản lý học sinh trong giờ bán trú; hoặc không tách rời quản lý học sinh trong giờ bán trú với tiền ăn) <i>(Chi phí mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú là yếu tố cấu thành chi phí của hoạt động quản lý học sinh trong giờ bán trú. Tại thời điểm phát sinh chi phí mua sắm chưa phát sinh nghĩa vụ thuế).</i>	Dịch vụ	5%	5%
b)	Tiền ăn			
	- Trường hợp cơ sở giáo dục tự tổ chức nấu ăn tại trường <i>(Các chi phí: thuê người nấu ăn, mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú... là yếu tố cấu thành chi phí của bữa ăn. Tại thời điểm phát sinh chi phí chưa phát sinh nghĩa vụ thuế).</i>	Dịch vụ	3%	5%
	- Trường hợp cơ sở giáo dục hợp đồng với đơn vị ngoài nhà trường cung cấp suất ăn	Dịch vụ	3%	5%
		Thu hộ, chi hộ	Không chịu thuế	Không phát sinh
1.2	Đối với trường mầm non, PTDT nội trú, PTDT bán trú ¹			
	- Nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình GD mầm non ²	Dạy học, dạy nghề, hoạt động giáo dục	Không chịu thuế	2%
	- Chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý học sinh dân tộc nội trú ³			

¹ Các trường theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo mà nhiệm vụ có bao gồm hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh.

² Tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định nhiệm vụ quyền hạn của trường mầm non: “Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành”.

³ Tại khoản 1 Điều 3, Điều 15 Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định nhiệm vụ của trường PTDT nội trú: “Chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý học sinh dân tộc nội trú; đảm bảo các điều kiện để học sinh dân tộc nội trú được học tập, ăn, ở và sinh hoạt an toàn tại trường.”

STT	Tên các khoản thu	Tính chất khoản thu	Tỉ lệ % tính thuế GTGT	Tỉ lệ % tính thuế TNDN
	- Nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh bán trú ⁴	Dạy học, dạy nghề, hoạt động giáo dục	Không chịu thuế	2%
2	Nước uống			
	- Trường hợp cơ sở giáo dục chưa có hệ thống lọc nước, hợp đồng với đơn vị ngoài nhà trường cung cấp nước uống	Thu hộ chi hộ	Không chịu thuế	Không phát sinh
		Hàng hóa	1%	1%
	- Trường hợp cơ sở giáo dục sử dụng hệ thống lọc nước hiện có cung cấp nước uống	Hàng hóa	1%	1%
3	Học thêm tại trường (ngoài giờ học chính thức, chính khóa)			
a)	Các môn văn hóa (trừ MN, TH)	Dạy học, dạy nghề, hoạt động giáo dục	Không chịu thuế	2%
b)	Tin học (tự chọn)			
c)	Ngoại ngữ (tự chọn)			
d)	Học ngoại ngữ người nước ngoài dạy			
	- Trường hợp cơ sở giáo dục thuê giáo viên người nước ngoài và tự tổ chức hoạt động	Dạy học, dạy nghề, hoạt động giáo dục	Không chịu thuế	2%
	- Trường hợp cơ sở giáo dục hợp đồng với đơn vị ngoài nhà trường cung cấp dịch vụ	Dạy học, dạy nghề, hoạt động giáo dục	Không chịu thuế	2%
		Thu hộ chi hộ	Không chịu thuế	Không phát sinh
4	Trông giữ phương tiện tham gia giao thông của HS	Dịch vụ	5%	5%
II	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo thỏa thuận			
1	Giáo dục mầm non ngoài giờ qui định	Dạy học, dạy nghề, hoạt động giáo dục	Không chịu thuế	2%
2	Hoạt động sau giờ học chính thức (chính khóa) trong ngày (giáo dục kỹ năng sống, giáo dục phát triển năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao...)			
	- Trường hợp cơ sở giáo dục tự tổ chức hoạt động (thuê giáo viên hoặc sử dụng giáo viên hiện có)	Dạy học, dạy nghề, hoạt động giáo dục	Không chịu thuế	2%

⁴ Tại khoản 2,3 Điều 4, Điều 11 Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định nhiệm vụ của trường PTDT bán trú, hoạt động giáo dục của trường phổ thông dân tộc bán trú.

STT	Tên các khoản thu	Tính chất khoản thu	Tỷ lệ % tính thuế GTGT	Tỷ lệ % tính thuế TNDN
	- Trường hợp cơ sở giáo dục hợp đồng với đơn vị ngoài nhà trường cung cấp dịch vụ	Dạy học, dạy nghề, hoạt động giáo dục	Không chịu thuế	2%
		Thu hộ chi hộ	Không chịu thuế	Không phát sinh
3	Chi phí sử dụng máy điều hòa lớp học (chi trả tiền điện theo thực tế sử dụng)	Thu hộ chi hộ	Không chịu thuế	Không phát sinh
4	Hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường			
	- Trường hợp cơ sở giáo dục tự tổ chức hoạt động	Dạy học, dạy nghề, hoạt động giáo dục	Không chịu thuế	2%
	- Trường hợp cơ sở giáo dục hợp đồng với đơn vị ngoài nhà trường cung cấp dịch vụ	Dạy học, dạy nghề, hoạt động giáo dục	Không chịu thuế	2%
		Thu hộ chi hộ	Không chịu thuế	Không phát sinh
5	Dịch vụ điện tử quản lý học sinh, xây dựng trường, lớp học thông minh			
	- Trường hợp cơ sở giáo dục tự tổ chức dịch vụ (lắp đặt, vận hành, quản lý)	Dịch vụ	5%	5%
	- Trường hợp cơ sở giáo dục hợp đồng với đơn vị ngoài nhà trường cung cấp dịch vụ	Dịch vụ	5%	5%
		Thu hộ chi hộ	Không chịu thuế	Không phát sinh

Ghi chú: Cơ sở giáo dục công lập căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị để xác định tính chất khoản thu làm căn cứ xác định đối tượng chịu thuế hoặc không chịu thuế và tỷ lệ % tính thuế theo quy định.